

UBND PHƯỜNG NAM GIA NGHĨA
TRƯỜNG TH N' TRANG LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 11/KHGD–NTL

Nam Gia Nghĩa, ngày 30 tháng 8 năm 2025

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC NĂM HỌC 2025 - 2026

I. Căn cứ xây dựng kế hoạch

Căn cứ Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018;

Căn cứ Thông tư số 05/2025/TT-BGDĐT ngày 7/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Quy định chế độ làm việc đối với giáo viên phổ thông, dự bị Đại học.

Căn cứ Quyết định số 2269/QĐ-BGDĐT ngày 11/8/2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Ban hành Khung kế hoạch thời gian năm học 2025-2026 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên;

Căn cứ Quyết định số 748/QĐ-UBND ngày 15/8/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng về Ban hành Khung kế hoạch thời gian năm học 2025-2026 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Công văn số 575/SGDDĐT-GDTH ngày 26/8/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục tiểu học năm học 2025-2026;

Căn cứ điều kiện thực tế, Trường tiểu học N'Trang Long xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường năm học 2025 – 2026 cụ thể như sau:

II. Điều kiện thực hiện chương trình năm học 2025 - 2026

1. Đặc điểm tình hình kinh tế, văn hóa, xã hội địa phương

Trường tiểu học N'Trang Long đóng chân trên địa bàn Tổ 5 Nghĩa Tân phường Nam Gia Nghĩa, tỉnh Lâm Đồng. Tình trạng dân cư di dân đến địa phương xây dựng kinh tế mới diễn ra thường xuyên dẫn đến số lượng học sinh tăng ở diện cơ học. Trên địa bàn tổ có các dân tộc anh em cùng sinh sống, trong đó dân tộc Mnông tại chỗ chiếm tỉ lệ cao, tiếp đến là dân tộc Kinh, còn lại là các dân tộc khác chiếm tỉ lệ thấp (ở mức ít) như Tày, Thái, Nùng, Mường, Chăm, K'ho, Mạ, Khơ – me, Ê – đê...

Năm học 2025 – 2026 là năm đầu tiên thực hiện chính quyền 2 cấp, sự thay đổi phân công phân quyền, nhiệm vụ liên quan đến công tác giáo dục cũng đã được chính quyền địa phương quan tâm chỉ đạo, tuy nhiên vẫn có ít nhiều chưa đi vào ổn định sớm kịp thời.

Đa số bà con nhân dân trên địa bàn là làm nông, làm thuê mướn, thu nhập không ổn định, là địa bàn đời sống kinh tế xã hội của nhân dân còn gặp nhiều khó khăn thiếu thốn, ít nhiều cũng ảnh hưởng đến sự đầu tư mua sắm chuẩn bị cho con em bước vào năm học mới.

Mặc dù còn gặp nhiều khó khăn về kinh tế, văn hoá và sự ổn định cấp quản lý chính quyền hai cấp, cán bộ, giáo viên, phụ huynh học sinh phần lớn khắc phục khó khăn thực hiện tốt công tác giáo dục của Nhà trường, phụ huynh lo lắng cho con em, đầu tư cho con em có điều kiện tốt để học tập, các mạnh thường quân quan tâm chia sẻ các trang thiết bị học tập cần thiết cho con em chuẩn bị đến trường...

2. Đặc điểm tình hình nhà trường năm học 2025 – 2026

2.1. Đặc điểm học sinh của trường

Toàn trường có tổng số học sinh: 143 em, 100% số học sinh được học 2 buổi/ngày, số học sinh nghèo, cận nghèo tỉ lệ thấp, số học sinh còn khó khăn chiếm tỉ lệ tương đối cao. Tỉ lệ học sinh trên lớp tương đối ổn so với số học sinh được biên chế/lớp theo quy định vì diện tích phòng học đáp ứng tốt cho số học sinh trên lớp và thuận lợi cho GV quản lý học sinh trong giờ học trên lớp. Đa số học sinh ngoan chịu khó, biết nghe lời, trong đó số ít học sinh chưa thực sự ham học, thái độ còn thờ ơ với việc học. Một số ít học sinh do cha mẹ chưa dành sự quan tâm đến con cái dẫn đến việc trẻ thích thì đến trường mà không thích thì ở nhà nên ảnh hưởng tỉ lệ chuyên cần. Một số học sinh không trực tiếp sống cùng bố mẹ (do làm ăn xa, chủ yếu gửi ông bà và người thân chăm sóc) vì vậy thiếu sự chăm sóc yêu thương của bố mẹ nên ảnh hưởng đến tâm lý, ý chí trong học tập chưa được tốt.

*** Số liệu học sinh cụ thể:**

TT	Lớp	TS	Nữ	Dân tộc	Nữ DT	Khuyết tật	Đối tượng		
							Nghèo	C. Nghèo	Khó khăn
01	1A	35	13	23	10	1	2	2	4
02	2A	31	17	14	8	0	1	1	4
03	3A	28	13	13	6	1	0	1	4
04	4A	29	11	18	5				
05	5A	20	10	13	7	1	1		
Tổng	5	143	64	81	36	3	4	4	12

2.2. Tình hình đội ngũ giáo viên, nhân viên, cán bộ quản lý

Tổng số CBQL, GV và nhân viên: 13 người trong đó CBQL: 2, GV 7, nhân viên 3. Giáo viên môn tiếng anh nghỉ sinh trong học kì I. Đội ngũ đa số trẻ, nhiệt tình, tâm huyết yêu nghề.

Bố trí đủ giáo viên chủ nhiệm, giáo viên bộ môn tổ chức dạy học 2 buổi/ngày (thực hiện dạy 9 buổi, trong đó số ít giáo viên dạy dư tiết).

*** Số liệu cụ thể:**

Trình	Tổng	Dân	Đảng viên	CBQL	Giáo viên	Nhân viên
-------	------	-----	-----------	------	-----------	-----------

độ CM	số	tộc	Tổng số	Nữ	dân tộc		Tổng số	Biên chế	Hợp đồng	Tổng số	Biên chế	Hợp đồng
Ths	1	0	1	0	0	1						
ĐH	10	1	6	6	1	1	7	6	1	2	2	
CĐ												
TC	1	1	0	0	0	0	1	1				
Dưới TC	1		1	0						1		1
Tổng	13	2	8	6	1	2	8	7	1	3	2	1

Ghi chú: Trong 10 đ/c có trình độ đại học, hiện tại có 03 đ/c đã tốt nghiệp đại học, chưa chuyển hạng đại học.

2.3. Cơ sở vật chất, thiết bị dạy học.

Tên từng loại cơ sở vật chất	Đơn vị tính	Số hiện có	Đủ để đảm bảo dạy/học theo quy định	Còn thiếu	Ghi chú
Điểm trường	Số điểm	1	1		
Diện tích đất tự nhiên	m ²	43,730			
Phòng học	Phòng	7			
Phòng chức năng					
I. Khối phòng hành chính quản trị					
1. Phòng Hiệu trưởng		1			
2. Phòng Phó Hiệu trưởng		1			
3. Văn phòng		1			
4. Phòng Bảo vệ		1			
5. Khu vệ sinh giáo viên, cán bộ, nhân viên		2			
6. Khu để xe của giáo viên, cán bộ, nhân viên		1			
II. Khối phòng học tập					
1. Phòng học		5			
2. Phòng học bộ môn Tin học		1			
3. Phòng học bộ môn Ngoại ngữ		1			
6. Phòng đa chức năng		0		1	
III. Khối phòng hỗ trợ học tập					
1. Thư viện		1			
2. Phòng thiết bị giáo dục					
3. Phòng truyền thống		1			

IV. Khối phụ trợ					
1. Phòng họp		1			
2. Khu để xe học sinh		1			
5. Khu vệ sinh học sinh		2			
6. Cổng, hàng rào		1			
V. Khu sân chơi, thể dục thể thao					
VI. Khối phục vụ sinh hoạt					
VII. Hạ tầng kỹ thuật					
1. Hệ thống cấp nước sạch		1			
2. Hệ thống cấp điện		1			
3. Hệ thống phòng cháy, chữa cháy		1			
4. Hạ tầng công nghệ thông tin, liên lạc		2 đường truyền mạng			
5. Khu thu gom rác thải		1			
VIII. Thiết bị dạy học					
1. Thiết bị dạy học lớp 1	Bộ	1			
2. Thiết bị dạy học lớp 2	Bộ	1			
3. Thiết bị dạy học lớp 3	Bộ	0			
4. Thiết bị dạy học lớp 4	Bộ	0			
5. Thiết bị dạy học lớp 5	Bộ	0			

III. Mục tiêu giáo dục năm học 2025 – 2026

1. Mục tiêu chung

1.1 Tiếp tục tổ chức thực hiện hiệu quả CTGDPT; triển khai dạy học 2 buổi/ngày thực chất, hiệu quả đối với giáo dục tiểu học.

1.2. Tăng cường các điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục, phát triển mạng lưới trường lớp; bố trí đội ngũ giáo viên hợp lý các môn học và hoạt động giáo dục, phối hợp chỉ đạo thực hiện hiệu quả quản lý nhà nước về giáo dục trong bối cảnh sáp nhập địa giới hành chính và thực hiện chính quyền địa phương hai cấp.

1.3. Đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh, tạo cơ hội, điều kiện để học sinh được phát triển toàn diện; đẩy mạnh giáo dục STEM/STEAM, năng lực số, kỹ năng công dân số, trí tuệ nhân tạo (AI); nâng cao chất lượng dạy học tiếng Anh, đảm bảo 100% học sinh lớp 3, lớp 4 và lớp 5 được học môn tiếng Anh và Tin học; từng bước đưa tiếng Anh trở thành ngôn ngữ thứ hai.

1.4. củng cố và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục, bảo đảm công bằng trong tiếp cận giáo dục; thực hiện hiệu quả giáo dục dân tộc và giáo dục hòa nhập cho học sinh khuyết tật. Thực hiện dạy học thí điểm tăng cường kỹ năng nghe, nói cho học sinh DTTS lớp Một trên cơ sở tiếng mẹ đẻ trong học kì II.

1.5. Đẩy mạnh chuyển đổi số và đổi mới quản trị trường học; tăng cường kiểm tra, giám sát theo thẩm quyền; tập trung tham mưu cấp ủy địa phương đưa giáo dục nói chung và phổ thông nói riêng vào chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội các cấp với các nhiệm vụ, chỉ tiêu cụ thể phù hợp với điều kiện của từng địa phương.

1.6. Đảm bảo an toàn cho đội ngũ và học sinh khi đến trường và đồng thời đảm bảo được nội dung chương trình giáo dục theo quy định.

Sứ mệnh: Tạo dựng được môi trường học tập Đoàn kết - thân thiện, nề nếp – kỷ cương, chất lượng cao để mỗi học sinh đều có cơ hội học tập, rèn luyện, phát triển hết tiềm năng, phát triển tài năng của mình.

Tầm nhìn: Với chương trình giảng dạy phù hợp sẽ là nơi đào tạo học sinh phát triển tư duy, hình thành nhân cách và nâng cao hiểu biết trong một môi trường lấy học sinh làm trung tâm, học sinh chủ động học tập phát huy sáng tạo và khát vọng vươn lên.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường bảo đảm phù hợp với đội ngũ giáo viên, điều kiện cơ sở vật chất, thiết bị dạy học hiện có; tổ chức dạy học các môn học, hoạt động giáo dục nhằm phát triển toàn diện phẩm chất, năng lực, thể chất, thẩm mỹ và kỹ năng sống cho học sinh. Tiếp tục đổi mới phương pháp dạy học, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và thực hiện chuyển đổi số trong dạy học, kiểm tra, đánh giá nhằm đáp ứng yêu cầu của CTGDPT. Bố trí thời gian thực hiện chương trình một cách khoa học, sư phạm, hiệu quả, không gây áp lực đối với học sinh; bảo đảm đến cuối năm học, học sinh đạt được yêu cầu cần đạt theo quy định của chương trình.

- Thông qua các môn học và hoạt động giáo dục hình thành cho học sinh các năng lực bao gồm: năng lực tự chủ, tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực ngôn ngữ, năng lực công nghệ, năng lực tin học, năng lực thẩm mỹ, năng lực thể chất.

- Thực hiện tốt quyền tự chủ của nhà trường trong việc thực hiện kế hoạch giáo dục trên khung chương trình giáo dục của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Tăng cường nề nếp, kỷ cương và chất lượng, hiệu quả giáo dục trong nhà trường

- Tập trung nâng cao chất lượng đặc biệt.

- Chú trọng giáo dục đạo đức lối sống, kỹ năng sống, ý thức trách nhiệm của công dân đối với xã hội, cộng đồng học sinh.

2.2. Chỉ đạo tổ chức thực hiện hiệu quả văn hóa học đường gắn với đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục, trong đó tích hợp thiết thực các nội dung giáo dục gồm: Giáo dục Quốc phòng và An Ninh, Giáo dục về quyền con người, Giáo dục An toàn giao thông, Giáo dục tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; Giáo dục STEM/STEAM; Giáo dục bình đẳng giới, chăm sóc mắt và phòng chống mù, lòa; bảo tồn văn hóa dân tộc, chủ quyền biên giới, biển đảo; sử dụng năng lượng tiết kiệm, bảo vệ môi trường, đa dạng sinh học; ứng phó biến đổi khí hậu, giảm nhẹ thiên tai; giáo dục qua di sản; tăng cường năng lực số, kỹ năng chuyển đổi số và các nội dung giáo dục tích hợp khác; đồng thời

hướng dẫn học sinh học tập kiến thức pháp luật về an toàn giao thông đường bộ trên nền tảng Bình dân học vụ số.

2.3. Triển khai thực hiện có hiệu quả việc dạy học môn ngoại ngữ trong Chương trình GDPT 2018; tiếp tục nâng cao chất lượng dạy học môn tiếng Anh. Phát động phong trào học tiếng Anh, xây dựng và phát triển môi trường học và sử dụng tiếng Anh thông qua các hoạt động giao lưu, văn hóa, văn nghệ bằng tiếng Anh, câu lạc bộ tiếng Anh, Góc tiếng Anh (English Corner). Thực hiện đánh giá học sinh học ngoại ngữ cần chú trọng xây dựng sự tự tin cho người học, tăng cường việc động viên, khuyến khích sự cố gắng trong học tập. Tăng cường đánh giá thường xuyên với các kỹ thuật đánh giá đa dạng phù hợp. Thực hiện đánh giá định kỳ nhẹ nhàng phù hợp với tâm lý lứa tuổi. Đề kiểm tra định kỳ phải bao gồm đủ các kỹ năng Nghe, Nói, Đọc và Viết với tỷ lệ các kỹ năng và mức độ nhận thức của câu hỏi phù hợp với việc dạy và học của giáo viên và học sinh và bảo đảm các yêu cầu cần đạt theo quy định của chương trình môn học.

2.4. Tổ chức rà soát, sắp xếp, quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục phổ thông theo hướng dẫn của Bộ GDĐT, bảo đảm thực hiện giáo dục Tiểu học là giáo dục bắt buộc theo Luật Giáo dục năm 2019, thực hiện hiệu quả các giải pháp để bảo đảm công bằng trong tiếp cận giáo dục. Việc tổ chức lại trường, lớp cần kế thừa các yếu tố ổn định, phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương, bảo đảm thuận lợi cho việc học của học sinh, gắn với các điều kiện nâng cao chất lượng, đáp ứng yêu cầu đổi mới theo CTGDPT.

Tham mưu tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, học liệu để triển khai hiệu quả CTGDPT theo quy định; sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất, thiết bị, đồ dùng dạy học hiện có, khắc phục tình trạng *“thiết bị đến trường mà không ra lớp”*.

2.5. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong xây dựng, phát triển và khai thác kho học liệu số của địa phương và ngành giáo dục; đẩy mạnh việc sử dụng học liệu số hỗ trợ giáo viên trong tổ chức dạy học, kiểm tra, đánh giá, góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục.

Nhà trường triển khai phối hợp Ban đại diện cha mẹ học sinh kịp thời trang bị sách giáo khoa theo yêu cầu cho học sinh, phối hợp đơn vị phát hành để tổ chức cung ứng sách giáo khoa đúng tiến độ, bảo đảm học sinh có sách học ngay từ đầu năm học. Rà soát, huy động, khai thác hiệu quả nguồn sách giáo khoa đã sử dụng từ các năm học trước, tổ chức bổ sung vào thư viện nhà trường để phục vụ nhu cầu mượn – đọc sách giáo khoa; đồng thời hướng dẫn giáo viên chủ động rà soát, điều chỉnh ngữ liệu trong bài học, chủ đề, ngữ liệu thực hành trong sách giáo khoa nhằm phù hợp với thực tiễn địa phương, đặc biệt trong bối cảnh sắp xếp địa giới hành chính và mô hình chính quyền địa phương hai cấp.

Thực hiện dạy và học Tài liệu giáo dục địa phương từ lớp 1 đến lớp 5 của tỉnh Lâm Đồng, Bình Thuận và Đắk Nông trước khi sáp nhập thực hiện Khung điều chỉnh nội dung/chủ đề theo công văn số: 623/SGDDĐT-GDTH ngày 29 /8/2025 của Sở GDĐT tỉnh Lâm Đồng.

Triển khai thực hiện dạy học thí điểm tăng cường kỹ năng nghe, nói cho học sinh DTTS lớp Một trên cơ sở tiếng mẹ đẻ trong học kì II.

3. Chỉ tiêu cụ thể cần đạt chất lượng giáo dục trong năm học.

Chỉ tiêu về phẩm chất, năng lực học sinh sẽ đạt được sau khi kết thúc một năm học đối với từng khối lớp; số lượng, chất lượng các môn học và hoạt động giáo dục nhà trường cam kết thực hiện trong năm học cụ thể:

3.1. Chất lượng Giáo dục.

Khối	T.Số HS	HT XS		HTTốt		Hoàn thành		CHT	
		Tổng số	Tỉ lệ (%)	Tổng số	Tỉ lệ (%)	Tổng số	Tỉ lệ (%)	Tổng số	Tỉ lệ
1	35	7	20	6	17	18	51	4	12
2	31	7	22,58	6	19,35	14	45,16	4	12,9
3	28	6	21,4	6	21,4	16	57,2	0	0
4	29	5	17%	8	28%	16	55%		
5	20	3	15%	5	25%	12	60%		
Tổng	143	28	19,6%	31	21,7%	76	53,1%	8	5,6

3.2. Chất lượng các lĩnh vực và các môn học

Các lĩnh vực giáo dục	Khối	T.Số HS	Tốt – H.T.Tốt		Đạt- Hoàn thành		CCG - CHT	
			Tổng số	Tỉ lệ (%)	Tổng số	Tỉ lệ (%)	Tổng số	Tỉ lệ
Phẩm chất	I	35	16	46 %	19	54 %	0	0
	II	31	13	41,93%	18	58,06%	0	0
	III	28	15	53,6%	13	46,4%	0	0
	IV	29	29	100%				
	V	20	20	100%				
Tổng		143	93	65%	50	35%		
Năng lực	I	35	13	37 %	18	51 %	4	12 %
	II	31	13	41,93%	14	45,16%	4	12,90%
	III	28	12	42,8%	16	57,2%	0	0
	IV	29	13	45%	16	55%		
	V	20	8	40%	12	60%		
Tổng		143	59	41,2%	76	53,1	8	5,6
Kết quả học tập	I	35	13	37 %	18	51 %	4	12 %
	II	31	13	41,93%	14	45,16%	4	12,90%
	III	28	12	42,8%	16	57,2%	0	0%
	IV	29	13	45%	16	55%		
	V	20	8	40%	12	60%		
Tổng		143	59	41,2%	76	53,1%	8	5,6%

Các môn học và HĐGD	KHỐI	TS	HTT		HT		CHT	
1. Toán	I	35	13	37 %	18	51 %	4	12 %
	II	31	13	41,93%	14	45,16%	4	12,90%
	III	28	12	42,8%	16	57,2%	0	0%
	IV	29	13	45%	16	55%		
	V	20	8	40%	12	60%		
Tổng		143	59	41,3%	76	53,1%	8	5,6%
2. Tiếng Việt	I	35	13	37 %	18	51 %	4	12 %
	II	31	13	41,93%	14	45,16%	4	12,90%
	III	28	12	42,8%	16	57,2%	0%	0%
	IV	29	13	45%	16	55%		
	V	20	8	40%	12	60%		
Tổng		143	59	41,3%	76	53,1%	8	5,6%
3. Anh văn	III	28	12	42,8%	16	57,2%	0%	0%
	IV	29	13	45%	16	55%		
	V	20	8	40%	12	60%		
Tổng		77	33	42,8%	44	57,2%		
4. Đạo đức	I	35	17	49 %	18	51 %	0	0 %
	II	31	16	51,62%	15	48,38%	0	0 %
	III	28	15	53,6%	13	46,4%	0	0%
	IV	29	15	52%	14	48%		
	V	20	8	40%	12	60%		
Tổng		143	71	49,6%	72	50,4%		
5. TN&XH	I	35	17	49 %	18	51 %	0	0 %
	II	31	16	51,62%	15	48,38%	0	0 %
	III	28	14	50%	14	50%	0	0 %
Tổng		94	47	50%	47	50%		
6. Âm nhạc	I	35	17	49 %	18	51 %	0	0 %

	II	31	16	51,62%	15	48,38%	0	0 %
	III	28	12	42,8%	16	57,2%	0	0 %
	IV	29	15	52%	14	48%		
	V	20	8	40%	12	60%		
Tổng		143	68	47,5%	75	52,5%		
7. Mĩ thuật	I	35	17	49 %	18	51 %	0	0 %
	II	31	16	51,62%	15	48,38%	0	0 %
	III	28	12	42,8%	16	57,2%	0	0 %
	IV	29	15	52%	14	48%		
	V	20	8	40%	12	60%		
Tổng		143	68	47,5%	75	52,5		
8. Hoạt động trải nghiệm	I	35	17	49 %	18	51 %	0	0 %
	II	31	16	51,62%	15	48,38%	0	0 %
	III	28	13	46,4%	15	53,6%	0	0 %
	IV	29	15	52%	14	48%		
	V	20	8	40%	12	60%		
Tổng		143	69	48,2%	74	51,8		
9.Công nghệ	III	28	12	42,8%	16	57,2%	0	0 %
	IV	29	13	45%	16	55%		
	V	20	8	40%	12	60%		
Tổng		77	32	41,5%	42	58,5%		
10. GDTC	I	35	17	49 %	18	51 %	0	0 %
	II	31	16	51,62%	15	48,38%	0	0 %
	III	28	13	46,4%	15	53,6%	0	0 %
	IV	29	15	52%	14	48%	0	0 %
	V	20	8	40%	12	60%	0	0 %
Tổng		143	69	48,2%	74	51,8%	0	0%
11. Tin học	III	28	12	42,8%	16	57,2%	0	0 %
	IV	29	13	45%	16	55%		
	V	20	8	40%	12	60%		
Tổng								

12. Khoa học	IV	29	15	52%	14	48%		
	V	20	8	40%	12	60%		
Tổng		49	23	47%	26	53%		
13. L.Sử & Đ.Lí	IV	29	13	45%	16	55%		
	V	20	8	40%	12	60%		
Tổng		49	21	43%	28	57%		

- 100% học sinh học 2 buổi/ngày (9 buổi/tuần).
- Huy động 100% trẻ trong độ tuổi đến trường.
- Duy trì sĩ số: 100%
- Lên lớp thẳng: 94,4% trở lên, cụ thể:
 - Khối 1: 88,6%
 - Khối 2: 87%
 - Khối 3: 100%
 - Khối 4: 100%
 - Khối 5: 100%
- Lên lớp sau khi thi lại: 5,6%
- Không có học sinh lưu ban không quá 2 năm /lớp.
- Học sinh Khối lớp 5 hoàn thành chương trình tiểu học đạt 100%

3.3. Chất lượng mũi nhọn

- Hội thi Giải toán trên Internet:
 - + Cấp xã: 10 học sinh;
 - + Cấp tỉnh: 5 học sinh;
 - + Cấp quốc gia: 2 học sinh.
- Hội thi IOE (Tiếng Anh trên Internet):
 - + Cấp xã: 10 học sinh;
 - + Cấp tỉnh: 5 học sinh;
 - + Cấp quốc gia: 2 học sinh.
- Hội thi Giao lưu hùng biện Tiếng Anh theo chủ đề: (nếu có)
 - + Cấp trường: 10 học sinh;
 - + Cấp xã: 5 học sinh;
- Hội thi Giao lưu Olympic Văn - Toán tuổi thơ.
 - + Cấp xã: 10 học sinh;
 - + Cấp tỉnh: 5 học sinh;
 - + Cấp quốc gia: 1 học sinh.
- Hội thi “Chữ viết đẹp” cho giáo viên và học sinh. (nếu có)
 - + Cấp xã: 10 học sinh; 5 giáo viên;
 - + Cấp tỉnh: 2 học sinh.
- Hội thi Giao lưu Tiếng Việt của chúng em dành cho học sinh dân tộc thiểu số. (nếu có)

- + Cấp xã: 10 học sinh;
- + Cấp tỉnh: 1 học sinh.
- Hội thi giáo viên dạy giỏi cấp xã 2 – 3 (nếu có)
- Hội thi giáo viên làm Tổng phụ trách Đội giỏi.

3.4. Khen thưởng học sinh cuối năm học

Chỉ tiêu đặt ra 45% học sinh trở lên được khen thưởng.

3.2. Số lượng, chất lượng các hoạt động giáo dục nhà trường cam kết thực hiện trong năm học

- Tổ chức 9 hoạt động trải nghiệm cho 100% học sinh toàn trường theo chủ đề từng tháng;

- 100% học sinh từ lớp 1 đến lớp 5 được học 2 buổi/ ngày (9 buổi/ tuần);

- Nhà trường tổ chức đầy đủ các hoạt động trải nghiệm và huy động 100% học sinh tham gia với kết quả tốt. Khuyến khích 80-90% học sinh tham gia trải nghiệm ngoài nhà trường 1 lần/năm học.

- Đảm bảo giáo dục hòa nhập, tạo điều kiện cho 100% học sinh được học và học được.

- Phát triển hình thức sinh hoạt câu lạc bộ theo năng khiếu và sở thích của học sinh ở các lĩnh vực: âm nhạc, hội họa, thể thao, ngoại ngữ.

- Thực hiện dạy và học Tài liệu giáo dục địa phương từ lớp 1 đến lớp 5 của tỉnh Lâm Đồng, Bình Thuận và Đắk Nông trước khi sáp nhập thực hiện Khung điều chỉnh nội dung/chủ đề theo công văn số: 623/SGDDĐT-GDTH ngày 29/8/2025 của Sở GDĐT tỉnh Lâm Đồng.

- Triển khai dạy học thí điểm tăng cường kỹ năng nghe, nói cho học sinh DTTS lớp Một trên cơ sở tiếng mẹ đẻ trong học kì II.

- Tổ chức thực hiện dạy học lồng ghép các nội dung giáo dục.

IV. Tổ chức các môn học và hoạt động giáo dục trong năm học. (Tổ chức dạy học các môn học, hoạt động giáo dục được quy định trong chương trình cấp tiểu học)

1. Phân phối thời lượng các môn học và hoạt động giáo dục (Phụ lục 1.1) Chương trình GDPT 2018.

TT	Hoạt động giáo dục	Số tiết/năm học Lớp 1			Số tiết/năm học Lớp 2			Số tiết/năm học Lớp 3			Số tiết/năm học Lớp 4			Số tiết/năm học Lớp 5		
		Tổ ng	HKI	HKI I	Tổng	HKI	HKI I	Tổng	HKI	HKI I	Tổng	HKI	HKII	Tổng	HKI	HKII
1. Môn học bắt buộc																
1	Tiếng Việt	420	216	204	350	180	170	245	126	119	245	126	119	245	126	119
2	Toán	105	54	51	175	90	85	175	90	85	175	90	85	175	90	85
3	Ngoại ngữ 1							140	72	68	140	72	68	140	72	68
4	Đạo đức	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17
5	Tự nhiên	70	36	34	70	36	34	70	36	34						

	và xã hội															
6	Khoa học										70	36	34	70	36	34
7	Địa lí- Lịch sử										70	36	34	70	36	34
8	Tin học và Công nghệ							70	36	34	70	36	34	70	36	34
9	Giáo dục thể chất	70	36	34	70	36	34	70	36	34	70	36	34	70	36	34
10	Nghệ thuật (Âm nhạc, Mỹ thuật)	70	36	34	70	36	34	70	36	34	70	36	34	70	36	34

2. Hoạt động giáo dục bắt buộc

11	Hoạt động trải nghiệm	105	54	51	105	54	51	105	54	51	105	54	51	105	54	51
----	-----------------------	-----	----	----	-----	----	----	-----	----	----	-----	----	----	-----	----	----

3. Môn học tự chọn

12	Tiếng DTTS															
13	Ngoại ngữ 1															

3. Hoạt động củng cố, tăng cường

14	Tăng cường Tiếng Việt	140	72	68	140	72	68	35	18	17	0	0	0	0	0	0
15	Tăng cường Toán	35	18	17	35	18	17	35	18	17	0	0	0	0	0	0
Tổng																

2. Các hoạt động giáo dục tập thể và theo nhu cầu người học

2.1. Các hoạt động giáo dục tập thể thực hiện trong năm học (Phụ lục 1.2)

Tháng	Chủ điểm	Nội dung trọng tâm	Hình thức tổ chức	Thời gian thực hiện	Người thực hiện	Lực lượng cùng tham gia
Thá	Chủ đề	- Tập luyện văn nghệ cho buổi lễ khai	Tổ	Từ 1-	ĐTN,	GVC

ng 9	1: “Em và mái trường mến yêu”	giảng. - Tập huấn đội nghi lễ, Trống, cờ, nghi thức.... - Xây dựng 3 bài TTD múa hát sân trường - Giao lưu tìm hiểu về Tết trung thu.	chức tập trung. Sinh hoạt dưới cờ, trên sân trường.	30/9	TPT – Liên đội	N, HS
Thá ng 10	Chủ đề 2: “Vì một cuộc sống an toàn”	- Tổ chức Đại hội liên đội đầu năm học. - Tổ chức cho h/s một buổi tham gia chương trình “ Vì một cuộc sống an toàn” - Giao lưu tìm hiểu kĩ năng tham gia giao thông an toàn. - Múa hát, đọc thơ Vì một cuộc sống an toàn. - Giới thiệu nét đẹp truyền thống tại địa phương.	Tập trung. Sinh hoạt dưới cờ	Từ 1/10 đến 30/10	TPT – Liên đội	GVC N, HS
Thá ng 11	Chủ đề 3: “Kính yêu thầy cô thân thiện với bạn bè”	- Phát động tháng hành động “Em là học sinh thân thiện”. - Kể chuyện “Người thầy trong trái tim em” - Tổ chức hội thi văn nghệ chào mừng ngày nhà giáo Việt Nam 20/11. - Tổng kết tháng hành động em là học sinh thân thiện. - Hát 1 bài hát có nội dung chủ đề trên.	Tập trung SH dưới cờ	Từ 1/11 đến 30/11	TPT – Liên đội	GVC N, HS
Thá ng 12	Chủ đề 4: “Tự hào trường em”	Tổ chức hoạt động ngày 22/12 đi thăm chú bộ đội đơn vị kết nghĩa. - Tổ chức hội thi vẽ tranh chú bộ đội cụ Hồ, thuyết trình tranh vẽ dưới cờ, mỗi lớp 2 bức tranh nội dung khác nhau.	Tập trung SH dưới cờ	Từ 1/12 đến 30/12	TPT – Liên đội	GVC N, HS
Thá ng 1	Chủ đề 5: “Chào năm mới”	- - Xây dựng kế hoạch hội thi làm cây hoa mai hoa đào đón tết giữa khối 1,2,3 và khối 4,5. - Tuyên truyền về ngày tết cổ truyền Việt Nam. - Giao lưu kể chuyện ngày tết.	Tập trung SH dưới cờ	Từ 1/01 đến 30/01	TPT – Liên đội	GVC N, HS
Thá ng 2	Chủ đề 6: “Mùa xuân trên quê em”	“Mừng Đảng mừng Xuân” - Tập luyện văn nghệ: Múa, hát, đọc thơ về chủ đề Mùa xuân trên quê em” Tham gia tết trồng cây. Tuyên truyền cho các em biết phòng tránh bị xâm hại và đuối nước, nghỉ tết an toàn lành mạnh	Tập trung SH dưới cờ	Từ 1/2 đến 28/2	TPT – Liên đội	GVC N, HS
Thá ng 3	Chủ đề 7: “Yêu thương gia đình quý”	Xây dựng kế hoạch “Ngày QTPN 8/3 và ngày 26/3: - - - Múa hát chào mừng ngày Quốc tế phụ nữ 8/3 - Tham gia hoạt động “Lời nhắn nhủ yêu thương”.	Tập trung SH dưới cờ	Từ 1/3 đến 30/3	TPT – Liên đội	GVC N, HS

	trọng phụ nữ	- Kể về người phụ nữ em yêu quý				
Tháng 4	Chủ đề 8: “Môi trường xanh - Cuộc sống xanh”	Giáo dục tuyên truyền về ngày 30/4 giải phóng miền nam thống nhất Đất Nước. - Phát động phong trào môi trường xanh – cuộc sống xanh - Tổ chức Ngày hội đọc sách - Tổ chức hoạt động làm kế hoạch nhỏ.	Tập trung SH dưới cờ	Từ 1/4 đến 30/4	TPT – Liên đội	GVC N, HS
Tháng 5	Chủ đề 9: “Những người sống quanh em”	- Xây dựng kế hoạch thi kể chuyện Bác Hồ. Gương người tốt, việc làm tốt - Thi kể chuyện Bác Hồ. Phân giải thưởng thi kể chuyện Bác Hồ - Tham gia lễ kỉ niệm ngày Sinh nhật Bác - Tham gia lễ kí cam kết “Mùa hè ý nghĩa và an toàn” - Tổng kết thi đua cuối năm học.	Tập trung SH dưới cờ	Từ 1/5 đến 30/5	TPT – Liên đội	GVC N, HS

2.2. Tổ chức hoạt động cho học sinh sau giờ học chính thức trong ngày, theo nhu cầu người học và trong thời gian bán trú tại trường (*Nhà trường không tổ chức bán trú*).

3. Tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục đối với các điểm trường

Nhà trường có 01 điểm trường chính, do đó mọi hoạt động đều được tổ chức tập trung tùy theo quy mô của từng hoạt động.

4. Khung thời gian thực hiện chương trình năm học 2025 – 2026 và kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục

Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 theo lộ trình quy định, đảm bảo tổ chức dạy học 2 buổi/ngày, mỗi ngày bố trí không quá 7 tiết học, mỗi tiết 35 phút; tối thiểu là 9 buổi/tuần với tổng số tiết: 32 tiết/tuần.

(Thực hiện Công văn số 4555/BGDDĐT-GDPT ngày 05/8/2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục phổ thông năm học 2025-2026)

Căn cứ Quyết định số 2269/QĐ-BGDDĐT ngày 11/8/2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Ban hành Khung kế hoạch thời gian năm học 2025-2026 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên; Căn cứ Công văn số 750/SGDDĐT-GDPT ngày 26/8/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) tỉnh Lâm Đồng hướng dẫn tổ chức dạy học 2 buổi/ngày đối với giáo dục Tiểu học năm học 2025-2026).

Căn cứ vào các quy định khác có liên quan đến thời gian của các cấp có thẩm quyền theo đúng quy định hiện hành (quy định về lịch sinh hoạt chuyên môn trong tuần, tháng; sinh hoạt cụm chuyên môn...).

Căn cứ vào điều kiện thực tế thời gian trong năm học (các ngày nghỉ lễ theo quy định trùng vào các ngày học, nhà trường phải có kế hoạch học bù, các ngày nghỉ khác vì lý do bất khả kháng nếu có phải có kế hoạch dạy học riêng...)

Tại trường Tiểu học N'Trang Long thời gian thực hiện chương trình năm học 2025 – 2026 cụ thể như sau:

- Ngày tựu trường: Thứ Hai, ngày 25/8/2025;

- Ngày khai giảng: ngày 05/9/2025 (Thứ Sáu).

Kế hoạch thời gian năm học 2025 – 2026 bảo đảm đủ 35 tuần thực học (học kỳ I có 18 tuần, học kỳ II có 17 tuần), cụ thể:

- Học kỳ I: Kể từ ngày 05 tháng 9 năm 2025 và kết thúc học kỳ I trước ngày 18 tháng 01 năm 2026.

- Học kỳ II: Kể từ ngày 19 tháng 01 năm 2026, hoàn thành chương trình và kết thúc năm học trước ngày 31 tháng 5 năm 2026.

- Ca học buổi sáng (4 tiết): Vào tiết 1: Bắt đầu vào học chính thức từ 7 giờ 30 phút; Thời gian ra chơi khi kết thúc tiết 2: Lúc 8 giờ 45 phút (20 phút); Tan học: 10 giờ 20 phút.

- Ca học buổi chiều (3 tiết): Vào tiết 1: Bắt đầu vào học chính thức 14 giờ 00 phút; Thời gian ra chơi, sau khi kết thúc tiết 2: Lúc 15 giờ 35 phút (20 phút) ; Tan học: 16 giờ 20 phút.

4.1. Thời gian tổ chức các hoạt động giáo dục theo tuần/tháng trong năm học và số lượng tiết học các môn học, hoạt động giáo dục thực hiện theo tuần trong năm học. (*Phụ lục 1.4 – KHGD/TKB*)

4.2. Kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục các khối lớp. Thiết kế hoạt động dạy học theo công văn 2345/BGDDT (*Phụ lục 2*)

V. Giải pháp thực hiện.

1. Đối với công tác quản lý trong việc chỉ đạo thực hiện quy chế chuyên môn.

a. Chỉ đạo công tác soạn - giảng – kiểm tra và đánh giá.

Chỉ đạo giáo viên thực hiện đúng nhiệm vụ năm học, đúng thời khóa biểu, đúng phân phối, nội dung chương trình dạy học.

Nội dung soạn đảm bảo theo định hướng phát triển năng lực và phẩm chất học sinh (Công văn hướng dẫn số 4612/BGDĐT-GDTrH V/v hướng dẫn thực hiện chương trình giáo dục phổ thông hiện hành theo định hướng phát triển năng lực và phẩm chất học sinh. Sử dụng các kỹ thuật dạy học đa dạng; linh động trong việc áp dụng phương pháp dạy học phù hợp và hiệu quả.

Thực hiện việc soạn giảng trên cơ sở linh động nghiên cứu các tài liệu hướng dẫn sử dụng sách giáo khoa, sách giáo viên và các video tiết dạy minh họa các môn học để áp dụng các phương pháp dạy học, giáo dục phù hợp với đối tượng học sinh.

Các nội dung giáo dục lồng ghép và tích hợp trong KHDG môn học và KHBD.

Phân công chuyên môn cho từng giáo viên sao cho phù hợp, giao chỉ tiêu thi đua cho các tổ khối, lớp.

Dự đủ số tiết theo quy định (báo trước hoặc đột xuất).

Kiểm tra hồ sơ của giáo viên định kỳ, đột xuất có nhận xét đánh giá xếp loại.

Chỉ đạo kiểm tra định kỳ đúng lịch, đúng quy chế. Báo cáo đúng số liệu và kịp thời (đúng thời gian quy định).

Kiểm tra Quy chế chuyên môn 100% tổng số giáo viên.

Triển khai đầy đủ các chuyên đề, các cuộc thi đối với giáo viên và học sinh.

Giao nhiệm vụ cho tổ trưởng triển khai thực hiện kế hoạch chuyên môn của tổ mình.

Đánh giá xếp loại học sinh theo đúng Thông tư 27/2020/TT-BGDĐT của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Sinh hoạt chuyên môn toàn trường đúng lịch 1 lần/tháng.

Chỉ đạo các tổ chuyên môn sinh hoạt chuyên môn đúng lịch 2 lần/tháng.

Tổ chức chuyên đề theo tổ. Về các loại hồ sơ sổ sách trong nhà trường áp dụng theo quy chế chuyên môn và các quy định của cấp trên.

b. Thực hiện đổi mới phương pháp giảng dạy.

Giao quyền chủ động cho giáo viên về lựa chọn, áp dụng linh hoạt phương pháp, hình thức tổ chức cho phù hợp với đối tượng học sinh và điều kiện trên nguyên tắc đảm bảo đạt được mục tiêu của bài học đồng thời phát huy được các phẩm chất và năng lực của người học, đáp ứng mục tiêu giáo dục.

Thực hiện bồi dưỡng về khả năng áp dụng công nghệ thông tin vào giảng dạy, thực hiện các phần mềm như trao đổi với phụ huynh và học sinh qua các ứng dụng xã hội như Zalo, Viber, Facebook...

Dạy học Tiếng Anh có hiệu quả: Dạy đủ 4 kỹ năng nghe, nói, đọc, viết cho học sinh, trong đó tập trung phát triển hai kỹ năng nghe và nói. Giáo viên chủ động trong việc lựa chọn phương pháp đã được tập huấn cấp tỉnh, đa dạng hình thức dạy và học tiếng Anh, tạo môi trường thuận lợi cho học sinh học tiếng Anh đồng thời có nhiều cơ hội được thể hiện tiếng anh. Tăng cường đánh giá thường xuyên, học sinh tự đánh giá, bạn đánh giá, giáo viên đánh giá,..Tăng cường tổ chức các hoạt động giao lưu, ngoại khóa, câu lạc bộ,...để tạo môi trường học tập, sử dụng tiếng anh cho học sinh một cách thiết thực, thân thiện, tương tác và hiệu quả.

Tăng cường tích hợp các nội dung giáo dục, bảo vệ môi trường, sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả; giáo dục An toàn giao thông, giáo dục KNS, giáo dục QPAN,...

Xây dựng 1 số tiết dạy, thao giảng có sử dụng giáo án điện tử có chất lượng để đồng nghiệp học tập.

Trong năm học mỗi giáo viên thực hiện ít nhất 2-3 tiết dạy có ứng dụng CNTT.

c. Tổ chức các chuyên đề, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ.

Tập trung tối đa và thực hiện đúng quy trình việc tổ chức sinh hoạt chuyên môn theo nghiên cứu bài học.

Tổ chuyên môn xây dựng kế hoạch sinh hoạt chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học trong năm học đáp ứng nhu cầu cần đổi mới, đặc biệt chú các ứng dụng phần mềm thông minh hỗ trợ trong việc soạn giảng, dạy học.

Bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ:

- + Dự giờ đồng nghiệp để nâng cao trình độ CMNV.
- + Giáo viên thực hiện nhiệm vụ nâng cao chất lượng chuyên môn nghiệp vụ bằng giải pháp gắn giảng dạy với nghiên cứu khoa học.
- + Xây dựng tổ chức hoạt động mạng lưới chuyên môn để giúp đỡ bồi dưỡng nghiệp vụ cho đồng nghiệp. Phát huy năng lực quản lý và năng lực chuyên môn của tổ trưởng và giáo viên có bề dày thành tích, có kinh nghiệm giảng dạy làm nòng cốt.
- + Thành lập các nhóm trợ giúp về chuyên môn và ứng dụng CNTT gồm các GV có năng lực chuyên môn giỏi, khả năng sử dụng máy vi tính tốt.
- + Tự học BDTX nhằm phục vụ tốt công tác chuyên môn, hoạt động giáo dục theo kế hoạch và nội dung đã đăng kí.

d. Tăng cường công tác chỉ đạo, kiểm tra.

*** Công tác quản lý và chỉ đạo:**

Nghiên cứu quán triệt các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, Nhà nước, Bộ giáo dục và Đào tạo để triển khai thực hiện trong năm thực hiện mục tiêu nhiệm vụ năm học.

Xây dựng kế hoạch thực hiện các cuộc vận động, chủ đề năm học và phong trào thi đua xây dựng ***“Trường học thân thiện - Học sinh tích cực”*** đạt hiệu quả thiết thực hơn.

Xây dựng kế hoạch chỉ đạo việc dạy học theo chuẩn kiến thức, kỹ năng, thực hiện nghiêm túc việc đánh giá giáo viên theo chuẩn nghề nghiệp, ưu tiên việc ứng dụng CNTT vào quản lý và dạy học .

Đổi mới nâng cao chất lượng sinh hoạt tổ chuyên môn theo hình thức chuyên đề nâng cao chất lượng hoạt động ngoại khóa, hoạt động tập thể, hoạt động trải nghiệm sáng tạo cho học sinh một cách tự nhiên, thiết thực, phù hợp với yêu cầu phát triển thể chất, sở thích kỹ năng sống, thực sự lôi cuốn hấp dẫn đối với học sinh, qua đó phát hiện năng khiếu tham gia các hội thi.

*** Công tác kiểm tra.**

Tăng cường công tác kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện quy chế chuyên môn và thực hiện chế độ kiểm tra nội bộ. Tăng cường kiểm tra dự giờ đột xuất giáo viên, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ được giao.

Kiểm tra việc đánh giá học sinh, động viên khen thưởng, đồng thời ngăn chặn, khắc phục và xử lý kịp thời các biểu hiện tiêu cực, trong việc thực hiện nội dung, chương trình sách giáo khoa và đánh giá kết quả học tập của học sinh .

Chỉ đạo tổ chuyên môn lập sổ theo dõi, kiểm tra, quản lý tổ viên của mình theo quy chế chuyên môn đã thông qua và thống nhất trong Hội nghị CNVC đầu năm.

- Kiểm tra toàn diện: 7/7 giáo viên; Tỷ lệ: 100 %.
- Kiểm tra thực hiện chương trình, thực hiện chuẩn KT-KN, tích hợp các nội dung giáo dục vào các môn học: 100% giáo viên
- Kiểm tra định kỳ: cuối kỳ I, cuối kỳ II theo hướng dẫn của PGD.
- Tổ chuyên môn tự kiểm tra đột xuất giáo viên trong tổ: 100 % .
- Kiểm tra hồ sơ khối, giáo viên
- Kiểm tra tập vở học sinh
- Kiểm tra học bạ

2. Đối với giáo viên.

Dạy đúng, đủ, có chất lượng tiết học, môn học theo chương trình KHDG các môn học và hoạt động giáo dục, TKB qui định. Dạy học theo chuẩn kiến thức, kỹ năng các môn học trên tinh thần điều chỉnh nội dung dạy học và đánh giá, xếp loại cho phù hợp đặc điểm tâm lý, sinh lý học sinh tiểu học. Không tự ý cắt xén chương trình, giờ giấc, đổi buổi, đổi tiết trong TKB, soạn bài và nghiên cứu kỹ bài trước khi lên lớp, lên lớp có đủ ĐDDH, giáo án, hồ sơ theo qui định.

Giáo dục HS biết vệ sinh cá nhân gọn gàng sạch sẽ, có ý thức bảo vệ của công, tham gia tích cực mọi hoạt động của lớp, trường. thực hiện tốt năm điều Bác Hồ dạy và các nhiệm vụ của học sinh tiểu học.

Không ngừng đổi mới PPDH phát huy tính tích cực, chủ động sáng tạo của học sinh, dạy theo hướng cụ thể hóa, cá thể hóa tác động tích cực, cụ thể đến các đối tượng học sinh. Vận dụng linh hoạt các hình thức dạy học, phương pháp dạy học trong mỗi tiết học, môn học.

Nắm vững đối tượng học sinh, chăm lo bồi dưỡng học sinh năng khiếu, nâng cao chất lượng đại trà, chăm sóc đối tượng học sinh chưa hoàn thành, khuyết tật, học sinh lưu ban, học sinh diện chính sách.

Có biện pháp tạo hứng thú bộ môn, thực hiện tốt trò chơi học tập, tăng cường rèn luyện kỹ năng cơ bản nghe-nói-đọc-viết, tính toán cho học sinh, chú trọng rèn luyện cho các em thao tác tư duy, phương pháp học tập.

Sử dụng tốt các thiết bị, ĐDDH, tài liệu tham khảo, thực hiện tốt qui trình thiết kế phiếu hướng dẫn học, chữa bài và nhận xét học sinh, gắn đổi mới nội dung phương pháp dạy học đối với phương pháp kiểm tra đánh giá học sinh, xếp loại học sinh đảm bảo khách quan, trung thực, chính xác theo hướng tạo điều kiện để các em được rèn luyện để đạt kết quả cao.

Tham gia tốt phong trào thi đua “Dạy tốt – Học tốt”, không ngừng tự học, tự rèn, dự giờ học hỏi đồng nghiệp.

Giáo viên chủ nhiệm lớp chịu trách nhiệm phát hiện và bồi dưỡng học sinh năng khiếu của lớp mình để xây dựng đội tuyển học sinh năng khiếu của trường.

Giáo viên bộ môn chịu trách nhiệm bồi dưỡng, rèn luyện học sinh năng khiếu của môn mình dạy.

Giáo dục đạo đức, kỹ năng sống cho học sinh thông qua các môn học, Thực hành kỹ năng sống thông qua tiết học trên lớp, hoạt động giáo dục và xây dựng quy tắc ứng xử văn hoá trong nhà trường. Phối hợp với gia đình và cộng đồng trong giáo dục đạo đức và kỹ năng sống cho học sinh. Giáo dục các em biết kính trên nhường dưới, Đoàn kết với bạn bè, biết cách cư xử đúng trong mọi trường hợp. Lễ phép với ông bà, cha mẹ thầy cô giáo và những người lớn tuổi. - Tổ chức cho HS học tập nội quy nhà trường, thái độ, động cơ học tập thực hiện tốt 5 điều Bác Hồ dạy phấn đấu trở thành **“con ngoan, trò giỏi, cháu ngoan Bác Hồ”**

Tăng cường công tác tự nghiên cứu tài liệu; SGK, SGV, sách tham khảo, sách CKTKN, chương trình hướng dẫn giảng dạy, các tài liệu tích hợp trong công tác soạn giảng. Tăng cường ứng dụng CNTT trong dạy học, tiếp tục thực hiện tự bồi dưỡng kiến thức - kỹ năng sử dụng máy tính để ứng dụng công nghệ thông tin và đổi mới phương pháp dạy học.

Xây dựng kế hoạch dạy học đảm bảo đúng nội dung chương trình, kế hoạch bài giảng đảm bảo theo môn học về kiến thức, kỹ năng, vận dụng, luyện tập, khuyến khích học sinh tự tìm tòi sáng tạo, tự tin tạo được tiết học nhẹ nhàng hiệu quả.

GV làm tốt công tác chủ nhiệm. thường xuyên thăm hỏi động viên học sinh, làm tốt công tác thông tin ba chiều.

Thường xuyên kiểm tra, đánh giá học sinh thường xuyên cập nhật nhận xét đúng quy chế chuyên môn đảm bảo theo thông tư quy định.

Thực hiện kiểm tra, nhận xét kết quả học tập định kì theo đúng quy định.

Thực hiện làm công tác tổng hợp báo cáo số liệu đảm bảo chính xác.

Quản triệt nghiêm túc không kiểm tra qua loa, mang tính hình thức, không để đẩy học sinh ngồi nhầm lớp.

Xây dựng và tổ chức hoạt động trải nghiệm sáng tạo theo chủ điểm tháng thiết thực hiệu quả.

Xây dựng môi trường học tập thân thiện, học sinh tích cực.

3. Đối với học sinh.

Có đủ các loại sách giáo khoa, vở, ĐDDH cần thiết, có góc học tập ở nhà, có thời gian biểu học tập, nắm chắc kiến thức đã học, làm tốt bài tập, chuẩn bị bài mới theo hướng dẫn của giáo viên. Đi học chuyên cần.

Thực hiện 15 phút ôn bài đầu giờ, học tổ, học nhóm, đôi bạn cùng tiến. Trong giờ học chăm chú nghe giảng, hăng hái tham gia phát biểu xây dựng bài,

làm bài tập, ghi chép bài đầy đủ theo yêu cầu bài học và hướng dẫn của giáo viên. Tham gia đầy đủ việc học buổi thứ 2 và các buổi bồi dưỡng, phụ đạo.

Học sinh chăm ngoan, học tập với tinh thần tích cực và tự giác. Có ý thức gìn giữ sách vở, đồ dùng học tập cẩn thận, sạch sẽ.

Học sinh thực hiện tốt nội quy, nhiệm vụ của người học sinh. Học tập và rèn luyện theo 5 điều Bác Hồ dạy.

Đổi mới hoạt động học. Học sinh tự giác trong học tập - Tự học (tự trải nghiệm, tự nghiên cứu tài liệu, tự khám phá, tự hình thành kiến thức) - Tự quản lý hoạt động học trong nhóm - Tự đánh giá quá trình kết quả học tập - Tự tìm sự hỗ trợ khi gặp khó khăn. Giáo viên chỉ là người hướng dẫn các hoạt động giáo dục cho học sinh.

Thường xuyên rèn chữ, mỗi học sinh có một cuốn vở rèn chữ riêng.

Duy trì và xây dựng nề nếp lớp, trồng và chăm sóc cây xanh, tạo môi trường xanh - sạch - đẹp.

Có ý thức tự giác tích cực, chuyên cần trong học tập, trung thực trong thi cử. Biết rèn luyện thân thể, giữ vệ sinh cá nhân. Kính trọng lễ phép đối với thầy cô, đoàn kết giúp đỡ bạn bè.

Thực hiện tốt các phong trào nhà trường và Liên đội phát động, phấn đấu đạt chỉ tiêu.

VI. Tổ chức thực hiện.

1. Hiệu trưởng.

Xây dựng kế hoạch hoạt động giáo dục nhà trường và tổ chức triển khai, thực hiện kế hoạch; chịu trách nhiệm chung về các hoạt động giáo dục của nhà trường.

Tổ chức thực hiện tốt công tác truyền thông Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018; tham mưu cấp trên về xây dựng, nâng cấp cơ sở vật chất, bổ sung trang thiết bị, đồ dùng dạy học.

Xây dựng kế hoạch kiểm tra nội bộ các hoạt động giáo dục trong nhà trường. Tổ chức các hoạt động bồi dưỡng chuyên môn cho đội ngũ.

Chủ trì xây dựng các tiêu chí thi đua trong nhà trường.

Ban hành quyết định thành lập tổ chuyên môn; quyết định bổ nhiệm các chức danh tổ trưởng, tổ phó tổ chuyên môn.

Phân công giáo viên chủ nhiệm lớp và giảng dạy các môn học và hoạt động giáo dục.

Chỉ đạo, tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018, đánh giá việc thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018 của giáo viên.

Tham gia sinh hoạt chuyên môn ở tổ để tư vấn, định hướng công tác chuyên môn cho giáo viên.

2. Phó Hiệu trưởng.

Xây dựng thời khóa biểu phù hợp với tình hình thực tế của nhà trường, đảm bảo dạy không quá 7 tiết/ngày; 9 buổi /tuần.

Quản lý, chỉ đạo các hoạt động chuyên môn; công tác thư viện, thiết bị; quản lý các phần mềm liên quan đến hoạt động chuyên môn.

Xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp; hoạt động trải nghiệm; kế hoạch bồi dưỡng học sinh năng khiếu, phụ đạo học sinh chậm tiến bộ và các hoạt động khác có liên quan đến các hoạt động giáo dục.

Chỉ đạo các tổ chuyên môn hoạt động theo đúng Điều lệ trường tiểu học. Tổ chức các chuyên đề, hội thảo cấp trường.

Tổ chức kiểm tra các hoạt động liên quan đến chuyên môn.

Tham gia sinh hoạt chuyên môn ở tổ để tư vấn, định hướng công tác chuyên môn cho giáo viên.

3. Tổ trưởng chuyên môn.

Xây dựng kế hoạch triển khai các hoạt động chuyên môn của tổ.

Tổ chức sinh hoạt chuyên môn theo chuyên đề và theo nghiên cứu bài học; đổi mới phương pháp dạy học và lựa chọn nội dung dạy học; những vấn đề vướng mắc trong việc thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018.

Dự giờ, góp ý, rút kinh nghiệm tiết dạy cho giáo viên; bồi dưỡng giáo viên trong tổ.

Tổng hợp báo cáo chất lượng giáo dục của tổ.

Tham gia tổ chức các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, hoạt động trải nghiệm và các hoạt động giáo dục khác.

4. Tổng phụ trách đội.

Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh và Sao Nhi đồng Hồ Chí Minh ở nhà trường góp phần thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện học sinh.

Tổ chức các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, hoạt động trải nghiệm.

5. Giáo viên chủ nhiệm.

Triển khai, thực hiện giảng dạy các môn học theo chỉ đạo của Hiệu trưởng. Xây dựng kế hoạch cá nhân, thời khóa biểu cụ thể cho lớp mình quản lý.

Phối hợp với tổng phụ trách đội tổ chức, triển khai các hoạt động tập thể, hoạt động ngoại khóa...

Thực hiện và chấp hành nghiêm túc quy chế chuyên môn, đổi mới phương pháp dạy học.

Kịp thời tham mưu, báo cáo những vướng mắc bất cập trong quá trình thực hiện kế hoạch giáo dục tại lớp mình phụ trách.

6. Giáo viên phụ trách môn học.

Triển khai, thực hiện giảng dạy môn học theo chỉ đạo của Hiệu trưởng.

Xây dựng kế hoạch cá nhân, phối hợp GVCN lớp xây dựng thời khóa biểu..

Phối hợp với GVCN, tổng phụ trách đội tổ chức, triển khai các hoạt động tập thể, hoạt động ngoại khoá...

Thực hiện và chấp hành nghiêm túc quy chế chuyên môn. Đổi mới phương pháp dạy học. Phối kết hợp chặt chẽ với GVCN trong công tác quản lý, giáo dục học sinh....

Kịp thời tham mưu, báo cáo những vướng mắc bất cập trong quá trình thực hiện kế hoạch giáo dục tại các lớp mình giảng dạy bộ môn

7. Nhân viên.

Xây dựng kế hoạch cá nhân, triển khai, thực hiện nhiệm vụ của bản thân theo sự phân công của Hiệu trưởng; chấp hành nghiêm túc nội quy, quy chế làm việc của nhà trường...

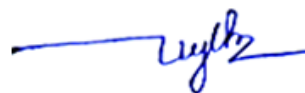
Phối kết hợp chặt chẽ với tổ chức, cá nhân trong nhà trường trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

Trên đây là Kế hoạch Giáo dục năm học 2025-2026 của trường Tiểu học N'Trang Long. Căn cứ các nội dung trong kế hoạch, cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên nhà trường nghiêm túc triển khai thực hiện, nếu có khó khăn vướng mắc đề nghị có ý kiến kịp thời về Ban giám hiệu nhà trường để được hướng dẫn giải quyết./.

Nơi nhận:

- UBND phường Nam Gia Nghĩa(báo cáo);
- PVH-XH phường(b/c)
- Tổ trưởng chuyên môn; GV(t/h);
- Lưu: hồ sơ, VT./.

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



H' Thủy

**PHÊ DUYỆT CỦA HỘI ĐỒNG TRƯỜNG
PCT.HỘI ĐỒNG**



H' Thủy

**Phụ lục 1.4. Thời gian tổ chức các hoạt động giáo dục theo tuần/tháng trong năm học
và số lượng tiết học các môn học, hoạt động giáo dục thực hiện theo tuần
Năm học 2025 - 2026 đối với các khối lớp**

I. THỜI GIAN TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC KHỐI 1

1. Thời gian hoạt động giáo dục lớp 1 năm học 2025 – 2026.

TUẦN 1(Từ 8 – 12/9/ 2025)

THỜI GIAN		Ngày/tháng	Ngày/tháng	Ngày/tháng	Ngày/tháng	Ngày/tháng	Ngày/tháng	Ngày/tháng	Điều chỉnh kế hoạch Tuần
Buổi	Tiết học	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	Chủ nhật	
Sáng	1	HĐTN (Dưới cờ)	Tiếng Việt	Âm nhạc	Toán	Toán			
	2	Toán	Đạo đức	Mĩ thuật	Tiếng việt	Tiếng việt			
	3	Tiếng việt	GDTC	GDTC	Tiếng việt	Tiếng việt			
	4	Tiếng việt	TNXH	TNXH	Tiếng việt	HĐTN			
Chiều	5	Tiếng việt	Toán	HĐTN	Tiếng việt				
	6	Tiếng việt	Tiếng việt	Tiếng Việt	Tiếng việt				
	7	Tiếng việt	Tiếng việt	SHTT					

2. Số lượng tiết học các môn học, hoạt động giáo dục thực hiện theo tuần

KHỐI LỚP 1- NĂM HỌC 2025-2026

I. Học kì I: 9 buổi/tuần

MÔN	Tuần	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15	16	17	18
	Tổng số tiết																		

Môn học bắt buộc																			
1. Tiếng Việt	216	12	12	12	12	12	12	12	12	12	12	12	12	12	12	12	12	12	12
2. Toán	54	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3
3. Đạo đức	18	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
4. TNXH	36	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2
5. GDTC	36	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2
6. Nghệ thuật (Âm nhạc, Mĩ thuật)	36	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2
Hoạt động GD bắt buộc																			
7. HĐ TN	54	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3
Môn học tự chọn																			
Tiếng dân tộc thiểu số																			
Ngoại ngữ 1																			
Môn học tăng cường & HDSHTT																			
Toán tăng cường	18	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
TV tăng cường	90	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5
HDSHTT	18	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
Tổng	576	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32

II. Học kì II: 9 buổi/tuần

MÔN	Tuần	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15	16	17
	Tổng số tiết																	
Môn học bắt buộc																		
1. Tiếng Việt	204	12	12	12	12	12	12	12	12	12	12	12	12	12	12	12	12	12
2. Toán	51	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3
3. Đạo đức	17	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1

4. TNXH	34	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2
5. GDTC	34	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2
6. Nghệ thuật(Âm nhạc, Mĩ thuật)	34	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2
Hoạt động GD bắt buộc																		
7. HĐTN	51	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3
Môn học tự chọn																		
Tiếng dân tộc thiểu số																		
Ngoại ngữ 1	34	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2
Môn học tăng cường &HDSHTT																		
Toán tăng cường	17	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
TV tăng cường	51	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3
SH tập thể	17	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
Tổng	544	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32

1. Kế hoạch Giáo dục các môn học, hoạt động giáo dục khối lớp 1. (có Phụ lục 2 kèm theo)

II. THỜI GIAN TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC KHỐI 2

1. Thời gian hoạt động giáo dục lớp 2 năm học 2025 – 2026.

TUẦN 1(Từ 8 – 12/9/ 2025)

THỜI GIAN		Ngày/tháng	Ngày/tháng	Ngày/tháng	Ngày/tháng	Ngày/tháng	Ngày/tháng	Ngày/tháng	Điều chỉnh kế hoạch Tuần
Buổi	Tiết học	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	Chủ nhật	
Sáng	1	HĐTN	Toán	Toán	Toán	Toán			
	2	Toán	Tiếng việt	Tiếng việt	Toán	Tiếng việt			
	3	Tiếng việt	Tiếng việt	Tiếng việt	GDTC	Tiếng việt			
	4	Tiếng việt	HĐTN	Tiếng việt	Tiếng việt	HĐTN			
Chiều	5	Tiếng Việt	Tiếng Việt	Tiếng việt	Mĩ thuật				

	6	TNXH	TNXH	Tiếng việt	Âm nhạc				
	7	Đạo đức	GDTC	SHTT					

2. Số lượng tiết học các môn học, hoạt động giáo dục thực hiện theo tuần

I. Học kì I: 9 buổi/tuần

MÔN	Tuần Tổng số tiết	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15	16	17	18
Môn học bắt buộc																			
1. Tiếng Việt	180	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10
2. Toán	90	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5
3. Đạo đức	18	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
4. TNXH	36	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2
5. GDTC	36	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2
6. Nghệ thuật(Âm nhạc, Mĩ thuật)	36	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2
Hoạt động GD bắt buộc																			
7. HĐ TN	54	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3
Môn học tự chọn																			
Tiếng dân tộc thiểu số																			
Ngoại ngữ 1																			
Môn học tăng cường &HĐSHTT																			
Toán tăng cường	36	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2
TV tăng cường	72	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4
HĐSHTT	18	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
Tổng	576	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32

II. Học kì II: 9 buổi/tuần

MÔN	Tuần	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15	16	17
	Tổng số tiết																	
Môn học bắt buộc																		
1. Tiếng Việt	170	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10
2. Toán	85	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5
3. Đạo đức	17	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
4. TNXH	34	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2
5. GDTC	34	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2
6. Nghệ thuật (Am nhạc, Mĩ thuật)	34	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2
Hoạt động GD bắt buộc																		
7. HĐTN	51	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3
Môn học tự chọn																		
Tiếng dân tộc thiểu số																		
Ngoại ngữ 1	56	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2
Môn học tăng cường &HĐSHTT																		
Toán tăng cường	17	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
TV tăng cường	36	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2
HĐSHTT	18	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
Tổng	544	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32

2

2. Kế hoạch Giáo dục các môn học, hoạt động giáo dục khối lớp 2. (có Phụ lục 2 kèm theo)

III. THỜI GIAN TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC KHỐI 3

3. Thời gian hoạt động giáo dục lớp 3 năm học 2025– 2026.

TUẦN 1(Từ 8 – 12/9/ 2025)

THỜI GIAN		Ngày/tháng	Ngày/tháng	Ngày/tháng	Ngày/tháng	Ngày/tháng	Ngày/tháng	Ngày/tháng	Điều chỉnh kế hoạch Tuần
Buổi	Tiết học	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	Chủ nhật	
Sáng	1	HĐTN(DC)	Âm nhạc	Anh văn	Đạo đức	Toán			
	2	Tiếng việt	Công nghệ	Toán	GDTC	Ôn Toán			
	3	Tiếng việt	Anh văn	Tiếng việt	Anh văn	Tiếng việt			
	4	Toán	Anh văn	Tiếng việt	Mĩ thuật	HĐTN			
Chiều	5	Tiếng việt	Toán	GDTC	Toán				
	6	Tiếng việt	Tiếng việt	Tin học	TNXH				
	7	HĐTN	TNXH	SHTT					

4. Số lượng tiết học các môn học, hoạt động giáo dục thực hiện theo tuần

I. Học kì I: 9 buổi/tuần

MÔN	Tuần	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15	16	17	18
	Tổng số tiết																		
Môn học bắt buộc																			
1. Tiếng Việt	126	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7
2. Toán	90	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5
3 .Ngoại ngữ 1	72	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4
4. Đạo đức	18	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
5. TNXH	36	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2
6. GDTC	36	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2
7. Nghệ thuật (Âm nhạc, Mỹ thuật)	36	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2
8. Tin học và Công nghệ	36	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2

Hoạt động GD bắt buộc																			
Hoạt động trải nghiệm	54	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3
Môn học tự chọn																			
Tiếng dân tộc thiểu số																			
Môn học tăng cường &HĐSHTT																			
Toán tăng cường	18	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
TV tăng cường	18	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
HĐSHTT	18	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
Đọc sách thư viện	18	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
Tổng	576	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32

II. Học kì II: 9 buổi/tuần

MÔN	Tuần	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15	16	17
	Tổng số tiết																	
Môn học bắt buộc																		
1. Tiếng Việt	119	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7
2. Toán	85	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5
3 .Ngoại ngữ 1	68	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4
4. Đạo đức	17	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
5. TNXH	34	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2
6. GDTC	34	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2
7. Nghệ thuật (Âm nhạc, Mĩ thuật)	34	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2
8. Tin học và Công nghệ	34	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2
Hoạt động GD bắt buộc																		
Hoạt động trải nghiệm	51	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3
Môn học tự chọn																		
Tiếng dân tộc thiểu số																		

Môn học tăng cường &HDSHTT																		
Toán tăng cường	18	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
TV tăng cường	18	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
Đọc sách	18	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
HDSHTT	18	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
Tổng	544	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32

3. Kế hoạch Giáo dục các môn học, hoạt động giáo dục khối lớp 3. (có Phụ lục 2 kèm theo)

IV. THỜI GIAN TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC KHỐI 4

1. Thời gian hoạt động giáo dục lớp 4 năm học 2025– 2026.

TUẦN 1(Từ 8 – 12/9/ 2025)

THỜI GIAN		Ngày/tháng	Ngày/tháng	Ngày/tháng	Ngày/tháng	Ngày/tháng	Ngày/tháng	Ngày/tháng	Điều chỉnh kế hoạch Tuần
Buổi	Tiết học	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	Chủ nhật	
Sáng	1	HĐTN(DC)	Toán	GDTC	Toán	Toán			
	2	Toán	Tiếng việt	Anh văn	Tiếng việt	Tiếng việt			
	3	Tiếng việt	Tiếng việt	Anh văn	Đạo đức	Công nghệ			
	4	Tiếng việt	LS&ĐL	Anh văn	Anh văn	HĐTN			
Chiều	5	Toán	Tiếng việt	Âm nhạc	Tin học(Th)				
	6	Khoa học	Khoa học	Mĩ thuật	GDTC				
	7	LS&ĐL	HĐTN	SHTT					

2. Số lượng tiết học các môn học, hoạt động giáo dục thực hiện theo tuần

I. Học kì I: 9 buổi/tuần

MÔN	Tuần Tổng số tiết	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15	16	17	18
Môn học bắt buộc																			
1. Tiếng Việt	126	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7
2. Toán	90	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5
3. Ngoại ngữ 1	72	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4
4. Đạo đức	18	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
5. Khoa học	36	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2
6. Lịch sử và Địa lí	36	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2
7. GDTC	36	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2
8. Nghệ thuật (Âm nhạc, Mỹ thuật)	36	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2
9. Tin học và Công nghệ	18	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2
Hoạt động GD bắt buộc																			
Hoạt động trải nghiệm	54	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3
Môn học tự chọn																			
Tiếng dân tộc thiểu số																			
Môn học tăng cường & HDSHTT																			
HDSHTT	18	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
Đọc sách thư viện	18	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
Tổng	576	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32

II. Học kì II: 9 buổi/tuần

MÔN	Tuần Tổng	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15	16	17
-----	-------------------------	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----

	số tiết																	
Môn học bắt buộc																		
1. Tiếng Việt	119	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7
2. Toán	85	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5
3. Ngoại ngữ 1	68	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4
4. Đạo đức	17	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
5. TNXH	34	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2
6. GDTC	34	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2
7. Nghệ thuật (Âm nhạc, Mỹ thuật)	34	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2
8. Tin học và Công nghệ	34	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2
Hoạt động GD bắt buộc																		
Hoạt động trải nghiệm	51	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3
Môn học tự chọn																		
Tiếng dân tộc thiểu số																		
Môn học tăng cường & HDSHTT																		
Độc sách	17	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
HDSHTT	17	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
Tổng	544	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32

3. Kế hoạch Giáo dục các môn học, hoạt động giáo dục khối lớp 4. (có Phụ lục 2 kèm theo)

V. THỜI GIAN TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC KHỐI 5

1. Thời gian hoạt động giáo dục lớp 5 năm học 2025– 2026.

TUẦN 1(Từ 8 – 12/9/ 2025)

THỜI GIAN		Ngày/tháng	Ngày/tháng	Ngày/tháng	Ngày/tháng	Ngày/tháng	Ngày/tháng	Ngày/tháng	Điều chỉnh kế hoạch Tuần
Buổi	Tiết học	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	Chủ nhật	

Sáng	1	HĐTN(DC)	Anh văn	Tiếng việt	Anh văn	Toán			
	2	Toán	Anh văn	GDTC	Anh văn	Tiếng việt			
	3	Tiếng việt	Âm nhạc	LS&ĐL	Công nghệ	Tiếng việt			
	4	Tiếng việt	Mĩ thuật	HĐTN	Đạo đức	HĐTN			
Chiều	5	Toán	Toán	Toán	GDTC				
	6	Khoa học	Khoa học	Tiếng việt	Tin học				
	7	LS&ĐL	Tiếng việt	SHTT					

2. Số lượng tiết học các môn học, hoạt động giáo dục thực hiện theo tuần

I. Học kì I: 9 buổi/tuần

MÔN	Tuần	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15	16	17	18
	Tổng số tiết																		
Môn học bắt buộc																			
1. Tiếng Việt	126	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7
2. Toán	90	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5
3 .Ngoại ngữ 1	72	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4
4. Đạo đức	18	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
5. Khoa học	36	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2
6. Lịch sử và Địa lí	36	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2
7. GDTC	36	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2
8. Nghệ thuật (Âm nhạc, Mỹ thuật)	36	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2
9. Tin học và Công nghệ	18	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2
Hoạt động GD bắt buộc																			
Hoạt động trải nghiệm	54	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3

Môn học tự chọn																			
Tiếng dân tộc thiểu số																			
Môn học tăng cường &HĐSHTT																			
HĐSHTT	18	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
Độc sách thư viện	18	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
Tổng	576	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32

II. Học kì II: 9 buổi/tuần

MÔN	Tuần	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15	16	17
	Tổng số tiết																	
Môn học bắt buộc																		
1. Tiếng Việt	119	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7
2. Toán	85	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5
3 .Ngoại ngữ 1	68	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4
4. Đạo đức	17	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
5. TNXH	34	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2
6. GDTC	34	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2
7. Nghệ thuật (Âm nhạc, Mĩ thuật)	34	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2
8. Tin học và Công nghệ	34	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2
Hoạt động GD bắt buộc																		
Hoạt động trải nghiệm	51	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3
Môn học tự chọn																		
Tiếng dân tộc thiểu số																		
Môn học tăng cường &HĐSHTT																		
Độc sách	17	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1

HĐSHTT	17	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
Tổng	544	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32

3. Kế hoạch Giáo dục các môn học, hoạt động giáo dục khối lớp 5. (có Phụ lục 2 kèm theo)

VI. Các tuần có sự điều chỉnh vì một số ngày lễ.

1. Nghỉ tết dương lịch.

TUẦN 17 (28/12/2025 – 04/01/2026)									
THỜI GIAN		Ngày 29/12/ 2025	Ngày 30/12/ 2025	Ngày 31/12/ 2025	Ngày 01/01/2026	Ngày 02/01/ 2026	Ngày 03/01/ 2026	Ngày 04/01/ 2026	Điều chỉnh kế hoạch Tuần
Buổi	Tiết học	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	Chủ nhật	
Sáng	1	Dạy thời khóa biểu thứ hai	Dạy thời khóa biểu thứ ba	Dạy thời khóa biểu thứ tư	Nghỉ Tết Dương lịch	Dạy thời khóa biểu thứ năm	Dạy thời khóa biểu thứ sáu		Điều chỉnh do nghỉ tết Dương lịch
	2								
	3								
	4								
Chiều	5								
	6								
	7								

2. Nghỉ lễ Giỗ tổ Hùng Vương 10/3 (Âm lịch) và Nghỉ lễ 30/4 và 01/5.

TUẦN 33 (27/4/2026 – 03/5/2026)									
THỜI GIAN		Ngày 27/4/2026	Ngày 28/04/ 2026	Ngày 29/04/2026	Ngày 30/04/2026	Ngày 01/05/ 2026	Ngày 02/05/ 2026	Ngày 03/05/ 2026	Điều chỉnh kế hoạch Tuần
Buổi	Tiết học	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	Chủ nhật	
Sáng	1	Nghỉ lễ Giỗ tổ Hùng	Dạy thời khóa biểu thứ hai (T33)	Dạy thời khóa biểu thứ ba	Nghỉ lễ 30/4	Nghỉ lễ 01/5			Điều chỉnh do nghỉ Lễ Giỗ tổ Hùng Vương,
	2								
	3								

	4	Vương (nghỉ bù chủ nhật)		(T 33)					10/3.(Chủ nhật) và Nghỉ lễ 30/4 và 01/5 đạy bù chiều thứ sáu, sáng thứ bảy tuần 34 và 35.
Chiều	5								
	6								
	7								

